TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 144/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận N, ngày 09 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông Nguyễn Hòa B, sinh năm 1956
Thường trú: 20 Đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Thị C, sinh năm 1964
Thường trú: 20 Đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hòa B và bà Lê Thị C đã thực sự tự nguyện ly hôn; Về con chung: Ông B và bà C tự khai có 02 (hai) con chung, tên: Nguyễn Lê Quỳnh T (nữ), sinh ngày 18/10/1995 và Nguyễn Lê Quỳnh N (nữ), sinh ngày 18/7/2000: Đều đã thành niên. Về tài sản chung: Ông B và bà C tự khai đôi bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông B và bà C tự khai đôi bên không có nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Nhận thấy việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 01/6/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hòa B và bà Lê Thị C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông B và bà C tự khai có 02 (hai) con chung, tên: Nguyễn Lê Quỳnh T (nữ), sinh ngày 18/10/1995 và Nguyễn Lê Quỳnh N (nữ), sinh ngày 18/7/2000: Đều đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hòa B và bà Lê Thị C tự khai đôi bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Nguyễn Hòa B và bà Lê Thị C tự khai đôi bên không có nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng, bà Lê Thị C và ông Nguyễn Hòa B phải chịu mỗi người là 150.000 (*Một trăm năm mươi ngàn*) đồng. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Hòa B là người cao tuổi (67 tuổi) thuộc trường hợp pháp luật quy định được miễn nộp tiền lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị C được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010653 ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị C đã nộp đủ lệ phí. Ông Nguyễn Hòa B được nhận lại số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi ngàn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận N;
- UBND Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (GCNKH số 48-94, quyển số 01 ngày 05/11/1994);
- Chi cục THADS Quận N;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Huế